

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố hướng dẫn bù giá ca máy và thiết bị thi công

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, điều 22 về Phạm vi hoạt động của tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí;

Căn cứ Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 25/05/2010 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Căn cứ điều lệ hoạt động công ty Cổ phần Giá Xây Dựng đã được thông qua bởi Hội đồng quản trị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố Hướng dẫn kèm theo quyết định này để các phòng thuộc Công ty thực hiện công việc tư vấn cho các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, các nhà thầu và các đối tác trong quá trình thực hiện các hợp đồng tư vấn đầu tư xây dựng công trình; xây dựng thuật toán phần mềm Dự toán, Dự thầu, Quyết toán và thực hiện hợp đồng chuyển giao các phần mềm.

Điều 2: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, áp dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các đơn vị tham khảo tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng các hướng dẫn này vào công việc của mình.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng phòng, cán bộ nhân viên phòng Tư vấn, phòng Kinh doanh phần mềm, phòng Đào tạo, phòng Lập trình và dữ liệu chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng Tư vấn
- Phòng KD phần mềm, ĐT, LT&DL
- Lưu VP, PT(8).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thắng

HƯỚNG DẪN BÙ GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

(Kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-GXD ngày 23/03/2011

của Công ty CP giá xây dựng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng

Tài liệu này hướng dẫn cách tính và sử dụng giá ca máy và thiết bị thi công phục vụ lập đơn giá xây dựng công trình và điều chỉnh chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình bằng phương pháp bù trừ trực tiếp.

Hướng dẫn này được sử dụng để thực hiện công việc tư vấn cho các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, các nhà thầu và các đối tác trong quá trình thực hiện các hợp đồng tư vấn đầu tư xây dựng công trình; xây dựng thuật toán phần mềm Dự toán, Dự thầu, Quyết toán và thực hiện hợp đồng chuyển giao các phần mềm.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo áp dụng phương pháp trong hướng dẫn này vào việc điều chỉnh giá ca máy trong các dự án, công trình, hạng mục công trình.

2. Đối tượng áp dụng

Các dự án, công trình, hạng mục công trình khi lập và quản lý chi phí có sử dụng đơn giá, bảng giá ca máy do địa phương ban hành hoặc công bố. Các bảng giá ca máy địa phương đó được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của các Thông tư số 06/2005/TT-BXD, Thông tư số 03/2006/TT-BXD, Thông tư số 07/2007/TT-BXD, Thông tư số 06/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

3. Nguyên tắc tính giá ca máy

Giá ca máy tính theo phương pháp bù trừ trực tiếp hướng dẫn tại điều 9 Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

Chương II

NỘI DUNG BẢNG TÍNH GIÁ CA MÁY

1. Cơ sở lý luận

- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2008 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình, điều 9 mục 2 của thông tư về Điều chỉnh giá ca máy;
- Các quyết định ban hành, công bố bảng giá ca máy hiện hành của các địa phương như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Thái Bình, Đà Nẵng, Nghệ An, Bạc Liêu...

2. Nhận xét

Qua thu thập, nghiên cứu, phân tích và so sánh số liệu cho thấy:

- Để điều chỉnh giá ca máy theo hướng dẫn của Thông tư 06/2010/TT-BXD cần có số liệu: nguyên giá ca máy; chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác, chi phí nhiên liệu năng lượng, tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy. Tuy nhiên, bảng giá ca máy các địa phương công bố từ thời điểm năm 2006 đến năm 2010 được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 06/2005/TT-BXD ngày 15/04/2005 và Thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình lại không công bố đủ số liệu các thành phần chi phí kể trên.
- Bảng giá ca máy của các địa phương dựa trên các thông tư hướng dẫn như Thông tư 06/2005/TT-BXD hay Thông tư 06/2010/TT-BXD hầu hết đều giữ nguyên các thông số: định mức khấu hao năm, định mức sửa chữa năm, định mức chi phí khác năm, hệ số thu hồi khi thanh lý, số ca máy năm, định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy và thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy, chỉ thay đổi về nguyên giá ca máy.
- Các địa phương có bảng giá ca máy công bố năm 2006 sau đó lại công bố lại vào các năm 2007, 2008, 2009 thì chủ yếu chỉ thay đổi, điều chỉnh một số nội dung trong quyết định, thuyết minh, quy định áp dụng và một số máy. Ví dụ: Bảng giá ca máy ban hành theo Quyết định số 191/2006/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 (gọi tắt là GCM Hà Nội năm 2006) và bảng giá ca máy ban hành theo Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND thành phố Hà Nội; Bảng giá ca máy Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 (gọi tắt là GCM Phú Thọ năm 2006) và bảng giá ca máy ban hành kèm theo văn bản số 376/UBND-XD1 ngày 15/02/2008; Bảng giá ca máy Điện Biên ban hành kèm theo QĐ số 09/2006/QĐ-UBND ngày 7/8/2006 và bảng giá ca máy ban hành kèm theo công bố số 133/CB-SXD ngày 7/3/2008; Bảng giá ca máy Nghệ An ban hành kèm theo quyết định số 88/2006/QĐ-UBND ngày 06/9/2006 và bảng giá ca máy ban hành kèm theo QĐ số 88/2007/QĐ-UBND ngày 26/7/2007; Bảng giá ca máy Sơn La ban hành kèm theo QĐ 33/2006/QĐ-UBND ngày 11/5/2006 và bảng giá ca máy ban hành kèm theo QĐ số 2890/2007/QĐ-UBND ngày 22/11/2007; Bảng giá ca máy Hà Tĩnh ban hành kèm theo QĐ số 55/2006/QĐ-UBND ngày 29/9/2006 và bảng giá ca máy 606/UBND-XD ngày 20/3/2008...

3. Thuật toán

Xuất phát từ công thức tính giá ca máy được đề cập trong Thông tư số 06/2010/TT-BXD:

$$C_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{TL} + C_{CPK} \text{ (đồng/ca)} \quad (1)$$

Trong đó:

- C_{CM} : Giá ca máy (đồng/ca)
- C_{KH} : Chi phí khấu hao (đồng/ca)

$$C_{KH} = \frac{(\text{Nguyên giá} - \text{giá trị thu hồi}) \times \text{Định mức khấu hao năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (2)$$

- C_{SC} : Chi phí sửa chữa (đồng/ca)

$$C_{SC} = \frac{\text{Nguyên giá} \times \text{Định mức sửa chữa năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (3)$$

- C_{NL} : Chi phí nhiên liệu, năng lượng (đồng/ca)

$$C_{NL} = \frac{\text{Định mức tiêu hao nhiên liệu}}{\text{năng lượng}} \times \frac{\text{Giá nhiên liệu, năng lượng}}{\text{lượng}} \times K_p \quad (4)$$

- C_{TL} : Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy (đồng/ca)

$$C_{TL} = \sum_{i=1}^n N_i \times C_{TLi} \quad (5)$$

- C_{CPK} : Chi phí khác (đồng/ca)

$$C_K = \frac{\text{Nguyên giá} \times \text{Định mức khác năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (6)$$

Từ công thức tính giá ca máy như trên, kết hợp với số liệu trong bảng giá ca máy của các địa phương đã thu thập được, bằng chứng minh toán học có thể phân tích để phục hồi các số liệu không được công bố trong bảng giá ca máy các tỉnh, thành phố như: nguyên giá ca máy, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác trong đơn giá ca máy.

Theo Thông tư 06/2010/TT-BXD có 3 phương pháp để điều chỉnh giá ca máy:

- Phương pháp bù trừ trực tiếp
- Phương pháp hệ số điều chỉnh
- Phương pháp chỉ số giá xây dựng

Trong đó phương pháp bù trừ trực tiếp là phương pháp đang được ưu tiên sử dụng do tính đơn giản, dễ hiểu, mức độ chính xác và thuận tiện của nó. Công thức xác định giá ca máy điều chỉnh theo phương pháp bù trừ trực tiếp được hướng dẫn như sau:

$$C_{CMĐC} = (C_{KH} + C_{SC} + C_K) \times K_1 + C_{NL} \times K_2 + C_{TL} \times K_3 \text{ (đồng/ca)} \quad (7)$$

Trong đó C_{KH} , C_{SC} , C_K , C_{NL} , C_{TL} : Lần lượt là chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác, chi phí nhiên liệu năng lượng, tiền lương thợ điều khiển máy trong giá ca máy tại thời điểm gốc.

K_1 : Hệ số điều chỉnh nguyên giá, xác định theo công thức:

$$K_1 = \frac{\text{Nguyên giá tại thời điểm điều chỉnh}}{\text{Nguyên giá tại thời điểm gốc}} \quad (8)$$

K_2 : Hệ số điều chỉnh chi phí nhiên liệu, năng lượng, xác định theo công thức:

$$K_2 = \frac{\text{Giá nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm điều chỉnh}}{\text{Giá nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm gốc}} \quad (9)$$

K_3 : Hệ số điều chỉnh tiền lương thợ điều khiển máy

$$K_3 = \frac{\text{Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy tại thời điểm điều chỉnh}}{\text{Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy tại thời điểm gốc}} \quad (10)$$

Như vậy, nếu biết được các thông số như: C_{KH} , C_{SC} , C_K , C_{NL} , C_{TL} trong đơn giá ca máy gốc, nguyên giá loại máy đó tại thời điểm gốc và thời điểm hiện tại, giá nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm gốc và thời điểm hiện tại, mức lương tối thiểu và các khoản phụ cấp tại thời điểm hiện tại sẽ dễ dàng tính được giá ca máy tại bất kỳ thời điểm nào.

4. Phương pháp thực hiện bù giá

Thực hiện bù giá theo hai phương pháp:

Phương pháp 1: Sử dụng công thức số (7) đã đề cập ở trên. Tạm gọi là bù giá ca máy theo Thông tư 06/2010/TT-BXD.

Phương pháp 2: Tách riêng chi phí nhiên liệu và chi phí tiền lương nhân công để bù giá ca máy. Tạm gọi là phương pháp bù giá ca máy đơn giản.

Công thức tính như sau:

$$C_{GCMĐC} = C_{GCM}^{Gốc} - C_{NL}^{Gốc} - C_{TL}^{Gốc} + C_{NL}^{HT} + G_{TL}^{HT} \quad (11)$$

Trong đó:

$C_{GCMĐC}$: Giá ca máy sau điều chỉnh hay còn gọi là giá ca máy tại thời điểm hiện tại (thời điểm tính toán);

$C_{NL}^{Gốc}$; $C_{TL}^{Gốc}$: Chi phí nhiên liệu năng lượng, tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy gốc;

C_{NL}^{HT} ; G_{TL}^{HT} : Chi phí nhiên liệu năng lượng, tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy tại thời điểm hiện tại.

Để tính C_{NL}^{HT} ; G_{TL}^{HT} cần căn cứ vào định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy, giá nhiên liệu năng lượng tại thời điểm hiện tại, mức lương tối thiểu tại thời điểm hiện tại và các khoản phụ cấp được áp dụng.

(Xem ví dụ tính toán cụ thể tại phụ lục số 1 của quyết định này).

5. Một số lưu ý khi thực hiện bù giá ca máy từ các bảng giá ca máy của các tỉnh/thành phố

- So sánh giữa số liệu công bố trong Thông tư 06/2005/TT-BXD ngày 15/4/2005 và Thông tư số 03/2006/TT-BXD ngày 22/5/2006 với bảng giá ca máy của các địa phương được công bố trước thời điểm năm 2010 như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Phú Thọ, Quảng Bình, Cao Bằng, Phú Yên, Tuyên Quang, Thái Nguyên... các tác giả nghiên cứu, soạn thảo hướng dẫn này nhận thấy các địa phương đều áp dụng các định mức giống với công bố của Bộ Xây dựng, chỉ điều chỉnh nguyên giá máy phù hợp với địa phương mình. Những điểm khác nhau giữa bảng giá ca máy một số địa phương so với Thông tư 06/2005/TT-BXD và Thông tư 03/2006/TT-BXD được tổng hợp như sau:

STT	Loại máy và thiết bị thi công	Bảng giá ca máy các tỉnh trước thời điểm năm 2010	Theo thông tư 06/2005/TT-BXD và thông tư 03/2006/TT-BXD
1	Máy bơm bê tông, năng suất 40-60m ³ /h	Định mức tiêu hao nhiên liệu cho 1 ca máy: 181,5 kwh	Định mức tiêu hao nhiên liệu cho 1 ca máy: 180,68 kwh
2	Máy bơm vữa 4m ³	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 16,8 kwh	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 16,2 kwh
3	Máy hàn cắt dưới nước	Thành phần cấp bậc thợ: 1 thợ lặn cấp I ½ + 1 thợ lặn 2/4	Thành phần cấp bậc thợ: 2x5/7
4	Xe nâng, chiều cao nâng 12m; 18m; 24m	Thành phần cấp bậc thợ: 1x1/4 + 1x3/4 loại 7,5-16,5T	Thành phần cấp bậc thợ: 1x3/7+1x5/7
5	Xe thang, chiều dài thang 9m; 12m; 18m	Thành phần cấp bậc thợ: 1x1/4 + 1x3/4 loại 7,5-16,5T	Thành phần cấp bậc thợ: 1x3/7+1x5/7

Khi bù giá ca máy bằng phương pháp bù trừ trực tiếp từ bảng giá ca máy của các địa phương công bố trước thời điểm năm 2010 cần lưu ý sự khác nhau kể trên.

- Qua so sánh các số liệu giữa Phụ lục của Thông tư 06/2010/TT-BXD với Thông tư 06/2005/TT-BXD và Thông tư 03/2006/TT-BXD ngày 22/5/2006 về hướng dẫn bổ sung một số nội dung của các thông tư và Thông tư 07/2007/TT-BXD thì chủ yếu chỉ khác ở cột nguyên giá máy (nguyên giá tính khấu hao tham khảo). Trong dữ liệu định mức chỉ sửa một số vấn đề như sau:

STT	Loại máy và thiết bị thi công	Theo thông tư 06/2010/TT-BXD	Theo thông tư 06/2005/TT-BXD và thông tư 03/2006/TT-BXD
1	Máy bơm bê tông, năng suất 40-60m ³ /h	Định mức tiêu hao nhiên liệu cho 1 ca máy: 181,5 kwh	Định mức tiêu hao nhiên liệu cho 1 ca máy: 180,68 kwh
2	Máy bơm vữa 4m ³	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 16,8 kwh	Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 16,2 kwh
3	Máy rải bê tông nhựa, năng suất 130CV đến 140CV	Định mức khấu hao: 16% Định mức chi phí sửa chữa: 3,8%	Định mức khấu hao: 14% Định mức chi phí sửa chữa: 4,2%
4	Máy rải cấp phối đá dăm, năng suất 60m ³ /h	Định mức sửa chữa: 4,2% Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 30,2 lít diesel	Định mức sửa chữa: 4,5% Định mức tiêu hao nhiên liệu 1 ca máy: 47,9 lít diesel
5	Các loại máy bơm công suất 0,55kw; 0,75kw; 1,1kw; 1,5kw; 2kw; 2,8kw	Định mức chi phí khác là: 5%	Định mức chi phí khác là: 4%
6	Máy hàn cắt dưới nước	Thành phần cấp bậc thợ: 1 thợ lặn cấp I ½ + 1 thợ lặn 2/4	Thành phần cấp bậc thợ: 2x5/7
7	Xe nâng, chiều cao nâng 12m; 18m; 24m	Thành phần cấp bậc thợ: 1x1/4 + 1x3/4 loại 7,5-16,5T	Thành phần cấp bậc thợ: 1x3/7+1x5/7
8	Xe thang, chiều dài thang 9m; 12m; 18m	Thành phần cấp bậc thợ: 1x1/4 + 1x3/4 loại 7,5-16,5T	Thành phần cấp bậc thợ: 1x3/7+1x5/7
9	Các loại máy thí nghiệm điện đường dây và trạm biến áp	Có	Không

Hiện nay một số địa phương đã công bố bảng giá ca máy từ thời điểm năm 2010 dựa trên cơ sở hướng dẫn trong Thông tư 06/2010/TT-BXD đó là:

- Bảng giá ca máy công bố kèm theo quyết định số 5525/QĐ-UBND-CN ngày 15/11/2010 của UBND tỉnh Nghệ An

- Bảng giá ca máy ban hành kèm theo văn bản số 10/SXD-QLXD ngày 14/1/2011 của Sở Xây dựng tỉnh Bạc Liêu

- Bảng giá ca máy công bố kèm theo quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 14/4/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông

- Bảng giá ca máy công bố kèm theo quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 29/1/2011 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi

- ...

Qua so sánh các bảng giá ca máy này không thấy có sự khác nhau về số liệu, trị số định mức so với Thông tư 06/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Từ việc so sánh và liệt kê điểm khác nhau giữa 2 Thông tư 06/2010/TT-BXD và Thông tư 06/2005/BXD-TT kể trên, cần lưu ý trước khi bù giá ca máy bằng phương pháp bù trừ trực tiếp, cần xem bảng giá ca máy đó được lập căn cứ trên Thông tư nào và lưu ý những điểm khác nhau đã kể trên khi tính bù giá ca máy.

- Đối với loại trạm trộn bê tông asphalt (gồm các trạm trộn năng suất 25 T/h; 30T/h; 40T/h; 50T/h; 60T/h; 80T/h) khi tính chi phí nhiên liệu trong giá ca máy, chỉ tính đến hao phí điện năng. Các loại vật tư như dầu diesel, dầu mazut, dầu bảo ôn đã tính trong định mức dự toán xây dựng công trình phần Xây dựng (mã hiệu AD.26300) công bố kèm theo văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

- Cần đọc kỹ phần Những quy định chung và hướng dẫn áp dụng bảng giá ca máy để có các thông số như: giá nhiên liệu; mức lương tối thiểu; các mức phụ cấp... để có cơ sở điều chỉnh chi phí nhiên liệu, năng lượng và tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy

- Khi bù giá ca máy theo các hệ số K_1 , K_2 , K_3 như công thức đã đề cập ở trên, gặp trường hợp không có nguyên giá ở thời điểm gốc, có thể căn cứ vào các số liệu trong bảng giá ca máy như: chi phí nhiên liệu, năng lượng; tiền lương thợ điều khiển máy và kết hợp với các thông số trong các Thông tư 06/2005/TT-BXD hoặc Thông tư 06/2010/TT-BXD để khôi phục lại nguyên giá gốc. Từ đó tính được hệ số K_1 .

- Với các công trình thi công không sử dụng vốn nhà nước, khuyến nghị các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và nhà thầu tham gia lập bảng giá ca máy riêng theo những nguyên tắc, phương pháp xác định giá ca máy trong các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng ban hành.

Phụ lục số 1 VÍ DỤ MINH HOẠ

(Kèm theo Quyết định số: 36/2011/QĐ-GXD ngày 23/03/2011 của Công ty CP Giá Xây dựng)

Ví dụ 1: Phương pháp bù giá theo thông tư số 06/2010/TT-BXD

Giả sử phải điều chỉnh giá ca máy cho một số loại máy cho trong bảng sau về thời điểm tháng 2/2011. Biết rằng giá ca máy gốc được lấy từ bảng giá ca máy tỉnh Nghệ An, công bố kèm theo quyết định số 5525/QĐ-UBND.CN ngày 15/11/2010 của UBND tỉnh Nghệ An như dưới đây:

Tên máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu năng lượng 1 ca	Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	CP tiền lương (C _{TL})	CP nhiên liệu (C _{NL})	CP khấu hao (C _{KH})	CP sửa chữa (C _{SC})	CP khác (C _K)	Giá ca máy (đồng/ca)	Nguyên giá tham khảo
Máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22m ³	32,4 lít diesel	1x4/7	93.878	463.909	335.949	118.663	98.231	1.110.600	510.800.000
Máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	132 kwh	1x4/7 + 1x5/7	203.389	144.489	248.761	99.130	112.223	808.000	486.300.000
Máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	3,06 lít xăng	1x3/7	80.850	48.280	29.260	8.316	6.160	172.900	23.100.000

Giả thiết rằng các thông số giá tại thời điểm tháng 2/2011 và thời điểm gốc (năm 2010) như bảng sau:

STT	Nội dung	Tại thời điểm tháng 2/2011	Thời điểm gốc
1	Nguyên giá máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22 m ³	525.000.000	510.800.000
2	Nguyên giá máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	496.000.000	486.300.000
3	Nguyên giá máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	28.000.000	23.100.000

STT	Nội dung	Tại thời điểm tháng 2/2011	Thời điểm gốc
4	Giá diesel (đồng/lít)	15.040	13.636
5	Giá xăng (đồng/lít)	16.720	15.318
6	Giá điện (đồng/kwh)	1.207	1.023
7	Mức lương tối thiểu (đồng/tháng)	830.000	730.000
8	Phụ cấp lưu động: 20%, chi phí khoán: 4%, mức lương phụ: 12%		

Căn cứ vào các số liệu trên, tính được hệ số K_1 cho mỗi máy như sau:

STT	Nội dung	Cách tính	K_1
1	Máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22m ³	525.000.000/510.800.000	1,028
2	Máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	496.000.000/486.300.000	1,020
3	Máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	28.000.000/23.100.000	1,212

Hệ số K_2 tính được như sau:

STT	Nội dung	Cách tính	K_2
1	Máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22 m ³	15.040/13.636	1,103
2	Máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	1.207/1.023	1,180
3	Máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	16.720/15.318	1,092

Hệ số K_3 tính được như sau: $K_3 = 830.000/730.000 = 1,137$.

Trong trường hợp này, mức lương tối thiểu chung và vùng ở mỗi thời điểm gốc và thời điểm hiện tại là như nhau. Do đó tính hệ số K_3 như công thức trên. Trường hợp tại mỗi thời điểm, 2 mức lương này khác nhau thì phải căn cứ vào thành phần cấp bậc

thợ điều khiển máy, hệ số bậc lương thợ, mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng, các khoản phụ cấp được áp dụng để tính lại đơn giá cho từng bậc thợ. Từ đó dùng công thức số (10) mục 3 để tính hệ số K_3 .

Sau khi tính được hệ số K_1 , K_2 , K_3 như trên, áp dụng công thức (1) mục 3 ta tính được giá ca máy tại thời điểm tháng 2/2011 cho các loại máy trên như sau:

Tên máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu năng lượng 1 ca	Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	CP tiền lương (C_{TL})	CP nhiên liệu (C_{NL})	CP khấu hao (C_{KH})	CP sửa chữa (C_{SC})	CP khác (C_K)	Giá ca máy (đồng/ca)
Máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22 m ³	32,4 lít diesel	1x4/7	106.738	511.674	345.288	121.962	100.962	1.186.624
Máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	132 kwh	1x4/7 + 1x5/7	231.251	170.477	253.723	101.107	114.461	871.020
Máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	3,06 lít xăng	1x3/7	91.926	52.699	35.467	10.080	7.467	197.638

Ví dụ 2: Phương pháp bù giá đơn giản

Lấy lại ví dụ đã đề cập ở trên, ta tính được đơn giá ca máy cho trường hợp này như sau:

Tên máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu năng lượng 1 ca	Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	Tháng 2 năm 2011		Theo quyết định số 5525/QĐ-UBND.CN		Chênh lệch		Cộng bổ sung vào bảng giá ca máy	Giá ca máy theo quyết định số 5525/QĐ-UBND.CN	Giá ca máy tại thời điểm tháng 2/2011
			CP tiền lương (C _{TL})	CP nhiên liệu (C _{NL})	CP tiền lương (C _{TL})	CP nhiên liệu (C _{NL})	CP tiền lương (C _{TL})	CP nhiên liệu (C _{NL})			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Máy đào một gầu, bánh xích, dung tích gầu 0,22m ³	32,4 lít diesel	1x4/7	106.738	511.661	93.878	463.909	12.860	47.752	60.612	1.110.630	1.171.242
Máy cào đá, động cơ điện, năng suất 2m ³ /ph	132 kwh	1x4/7 + 1x5/7	231.251	170.477	203.389	144.489	27.862	25.988	53.849	807.992	861.841
Máy đầm đất cầm tay, trọng lượng 50kg	3,06 lít xăng	1x3/7	91.926	52.698	80.850	48.280	11.076	4.418	15.494	172.866	188.360
Ghi chú: (8) = (4) - (6); (9) = (5) - (7); (10) = (8) + (9); (12) = (10) + (11)											

Chi phí nhiên liệu năng lượng của mỗi máy thời điểm tháng 2/2011 được tính bằng công thức số (4) mục 3. Cụ thể như sau:

- Máy đào một gầu bánh xích: $32,4 \times 15.040 \times 1,05 = 511.661$ (đồng/ca)
- Máy cào đá: $132 \times 1.207 \times 1,07 = 170.477$ (đồng/ca)

- Máy đầm đất cầm tay: $3,06 \times 16.720 \times 1,03 = 52.698$ (đồng/ca)

Đối với chi phí tiền lương thợ điều khiển của mỗi máy, cách tính như ví dụ 1 trên. Nghĩa là giá trị cột (4) = giá trị cột (6) x K_{NC} ; trong đó $K_{NC} = 830.000/730.000$.

Sau khi tính được chi phí nhiên liệu năng lượng và tiền lương thợ điều khiển máy như trên, sẽ tính được khoản chênh lệch chi phí nhiên liệu năng lượng và tiền lương thợ điều khiển máy giữa thời điểm tháng 2/2011 và thời điểm gốc. Từ đó tính được khoản cộng bổ sung vào đơn giá ca máy và đơn giá ca máy điều chỉnh.

Phụ lục số 2

SỬ DỤNG PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD

ĐỂ ĐIỀU CHỈNH GIÁ CA MÁY

(Kèm theo Quyết định số: 36/2011/QĐ-GXD ngày 23/03/2011 của Công ty CP Giá Xây dựng)

Trong phần mềm dự toán GXD sử dụng bù giá theo 2 phương pháp đã trình bày tại mục 4. (Phần mềm dự thầu GXD, quyết toán GXD làm tương tự). Các bước thực hiện như sau:

Bước 1: Nhập mã hiệu công việc tạo bảng dự toán.

Bước 2: Lần lượt chạy lệnh **Phân tích vật tư, Tổng hợp và chênh lệch vật tư**.

Bước 3: Thực hiện bù giá

Sau khi bấm lệnh **Tổng hợp và chênh lệch vật tư** phần mềm tự động tạo ra bảng tính bù giá ca máy (trong sheet Bù GCM), mặc định bù theo phương pháp 2-phương pháp bù giá đơn giản. Giao diện như sau:

<

Ở bảng tính trên, các cột: Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca máy, thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy, giá ca máy gốc, chi phí nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm gốc, chi phí tiền lương tại thời điểm gốc là các dữ liệu đã có sẵn trong phần mềm Dự toán GXD (trong dữ liệu bảng giá ca máy hoặc người sử dụng cũng có thể tự nhập vào). Chi phí nhiên liệu tại thời điểm điều chỉnh được tính toán trên cơ sở định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và giá nhiên liệu,

năng lượng đó tại thời điểm điều chỉnh (căn cứ vào giá điện, xăng, dầu trên thị trường). Chi phí tiền lương thợ điều khiển tại thời điểm điều chỉnh được tính lại theo mức lương tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh và các mức phụ cấp kèm theo. Giá ca máy điều chỉnh khi đó sẽ được tính như công thức (11) ở mục 4.

Nếu người làm dự toán có thể tìm được nguyên giá các loại máy tại thời điểm điều chỉnh, khi đó sẽ điều chỉnh giá ca máy theo phương pháp 1 đã đề cập ở mục 4, trong phần mềm còn gọi đây là phương pháp điều chỉnh theo Thông tư 06/2010/TT-BXD. Phương pháp này cần được nắm chắc để chuẩn bị cho tương lai sẽ sử dụng rộng rãi. Để chuyển sang dạng điều chỉnh này có 2 cách:

Cách 1: Trên thanh công cụ bấm lệnh **Bù GCM theo TT06 / bù GCM đơn giản**

BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY										
CÔNG TRÌNH: NHÀ LÀM VIỆC CÔNG TY CP GIÁ XÂY DỰNG										
HẠNG MỤC: PHẦN NGÀM										
STT	MÃ HIỆU	TÊN MÁY, THIẾT BỊ	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca (CNL)	Hệ số nhiên liệu phụ	Thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy	GIÁ CA MÁY GỐC	CHI PHÍ NL,NL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ NL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	CHI PHÍ TL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH
1	M035	Máy đầm bê tông, đầm dùi, công suất 1,5 kW	6,75	kWh	1,07	1x3/7	62.997	6.428	49.839	7.223
2	M026	Máy vận thăng lồng, sức nâng 3,0 T, H nâng 100m	47,3	kWh	1,07	1x3/7	318.589	45.044	49.839	50.611
3	M024	Cần trục tháp, sức nâng 25 T	120	kWh	1,07	1x3/7+1x6/7	1.616.845	114.276	128.388	128.400

Cách 2: Trên menu **Tiện ích** chọn **Các lệnh kết nối và chuyển đổi.**

BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY										
CÔNG TRÌNH: NHÀ LÀM VIỆC CÔNG TY CP										
HẠNG MỤC: PHẦN NGÀM										
THIẾT BỊ	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca (CNL)	Hệ số nhiên liệu phụ	Thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy	GIÁ CA MÁY GỐC	CHI PHÍ NL,NL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ NL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	TL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	GIÁ CA MÁY ĐIỀU CHỈNH (CCMĐC)	Đơn vị tính: đồng
ông, đầm 1,5 kW	6,75	kWh	1,07	1x3/7	62.997	6.428	49.839	7.223	115.323	129.276
g lồng, T, H nâng	47,3	kWh	1,07	1x3/7	318.589	45.044	49.839	50.611	115.323	389.640
, sức nâng	120	kWh	1,07	1x3/7+1x6/7	1.616.845	114.276	128.388	128.400	298.560	1.801.141

Trong hộp thoại hiện ra chọn **Bù GCM theo TT06/ bù GCM đơn giản** và ấn **chấp thuận**.

Chọn đổi / kết nối

Chấp thuận

Hủy lệnh

Trợ giúp

Kết nối

- ☐ Kết nối giá ca máy từ MTC vào THCLVT XD
- ☐ Kết nối giá ca máy từ MTC vào DGCT XD
- ☐ Kết nối giá ca máy từ Bu GCM vào THCLVT XD
- ☐ Kết nối giá ca máy từ Bu GCM vào DGCT XD
- ☐ Kết nối giá vật liệu từ Gia VLHT vào THCLVT XD
- ☐ Kết nối giá vật liệu từ Gia VLHT vào DGCT XD
- ☐ Kết nối nhân công vào THCLVT XD
- ☐ Kết nối nhân công vào DGCTXD XD
- ☐ Kết nối từ CLVT XD sang DGCT XD
- ☒ Kết nối từ CLVT TB sang DGCT TB

Chuyển đổi

- ☒ Bù GCM theo TT06 / bù GCM đơn giản
- ☐ Bảng khối lượng/Bảng dự toán

Khi đó giao diện bảng tính bù giá ca máy theo TT06 như sau:

BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY THEO TT06
CÔNG TRÌNH: NHÀ LÀM VIỆC CÔNG TY CP GIÁ XÂY DỰNG
HẠNG MỤC: PHẦN NGÀM

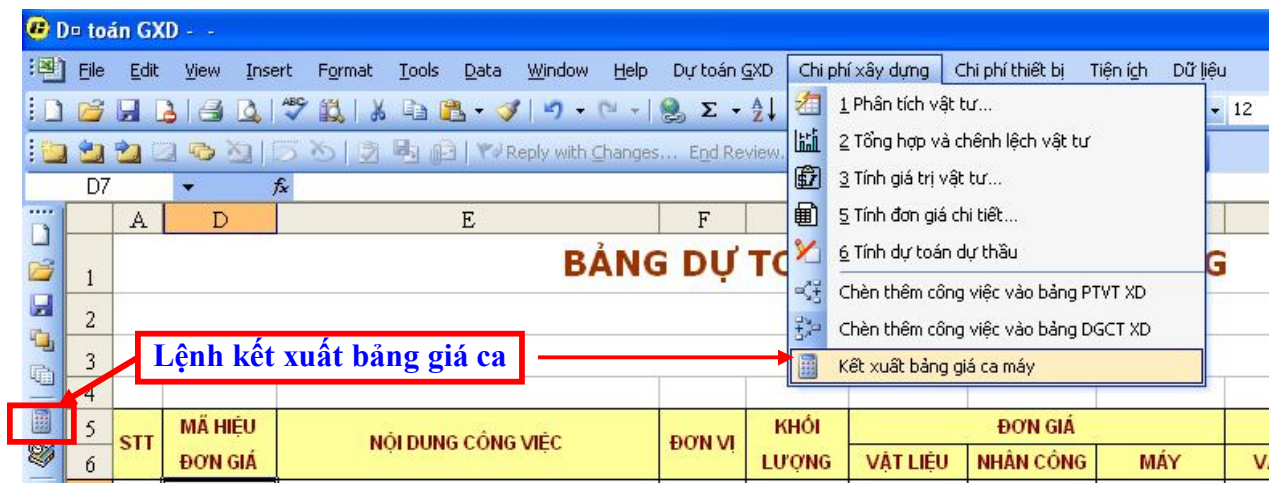
Đơn vị tính: đồng

STT	MÃ HIỆU	TÊN MÁY, THIẾT BỊ	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng	CHI PHÍ TRONG GCM TẠI THỜI ĐIỂM GỐC			CHI PHÍ NL, NL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TL TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	NGUYÊN GIÁ TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	NGUYÊN GIÁ TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	CHI PHÍ NL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	Hệ số điều chỉnh NL (K2)	TL TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH TL (K3)	GIÁ CA MÁY ĐIỀU CHỈNH (CCMBC)
				CP khấu hao	CP sửa chữa	CP khác									
1	M0355	Máy đầm bê tông, đầm dùi, công suất 1,5 kW	6,75	4.110	1.798	822	6.428	49.839	2.260.458	2.260.458	7.223	1,000	115.323	2,314	128.481
2	M0269	Máy vận thăng lồng, sức nâng 3,0 T, H nâng 100m	47,3	143.197	36.176	44.333	45.044	49.839	248.266.667	248.266.667	50.611	1,000	115.323	2,314	384.073
3	M0242	Cần trục tháp, sức nâng 25 T	120	766.191	235.751	372.239	114.276	128.388	1.737.113.679	1.737.113.679	128.400	1,000	298.560	2,325	1.787.017

Trong bảng tính trên, công thức tính giá ca máy điều chỉnh ($C_{CMĐC}$), hệ số điều chỉnh nguyên giá (K_1), hệ số điều chỉnh nhiên liệu (K_2) và hệ số điều chỉnh tiền lương (K_3) được tính theo các công thức hướng dẫn ở trên.

Ngoài việc điều chỉnh giá ca máy thì cũng có thể tính bảng giá ca máy bằng phần mềm Dự toán GXD. Cách thao tác như sau:

Trên menu hoặc thanh công cụ bấm lệnh **Kết xuất bảng giá ca máy** như hình dưới, khi đó sẽ có bảng giá ca máy trong sheet **MTC**:



	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N
1														
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8														
9														
10														
11														

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N
1														
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8														
9														
10														
11														

Phụ lục số 3

DANH SÁCH QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ BẢNG GIÁ CA MÁY CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: 36/2011/QĐ-GXD ngày 23/03/2011
của Công ty CP Giá Xây dựng)

STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH	STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH
1	Hà Nội	Quyết định số 191/2006/QĐ-UBND ngày 25/10/2006; Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008; Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008	33	Kon Tum	Quyết định số 16/2006/QĐ-UBND ngày 9/5/2006
2	Hồ Chí Minh	Quyết định số 104/2006/QĐ-UBND ngày 14/7/2006	34	Lai Châu	Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 3/12/2007; Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 31/1/2008
3	An Giang	Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 7/12/2006 của UBND tỉnh An Giang	35	Lào Cai	Văn bản số 271/UBND-XDCB ngày 31/1/2008
4	Bạc Liêu	Văn bản số 10/SXD-QLXD ngày 14/01/2011 của SXD tỉnh BL	36	Lạng Sơn	Quyết định số 20/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh L. Sơn
5	Bắc Cạn	Quyết định số 1718/2006/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	37	Lâm Đồng	Quyết định 43/2006/QĐ-UBND; Văn bản số 842/SXD-KTXD ngày 14/10/2010
6	Bắc Ninh	Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 15/9/2006	38	Long An	Văn bản số 28/SXD-XD ngày 08/01/2008
7	Bắc Giang	Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 20/10/2006	39	Nam Định	Quyết định số 1572/2006/QĐ-UBND ngày 05/7/2006 của UBND tỉnh Nam Định

STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH	STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH
8	Bến Tre	Quyết định số 4221/2005/QĐ-UBND	40	Nghệ An	Quyết định số 88/2006/QĐ-UBND ngày 06/9/2006; Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 26/7/2007; Quyết định số 5525/QĐ-UBND ngày 15/11/2010
9	Bình Dương	Quyết định số 252/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006	41	Ninh Bình	Quyết định năm 2006/QĐ-UBND
10	Bình Định	Quyết định số 46/2006/QĐ-UBND ngày 08/5/2006	42	Ninh Thuận	
11	Bình Thuận		43	Phú Thọ	Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 26/12/2006; Văn bản số 376/UBND-XD1 ngày 15/02/2008
12	Bình Phước		44	Phú Yên	Quyết định số 1011/2006/QĐ-UBND ngày 03/7/2006
13	Cà Mau	Quyết định năm 2006	45	Quảng Bình	Quyết định 09/2006/QĐ-UBND ngày 23/3/2006; Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 28/4/2006
14	Cao Bằng	Quyết định số 1879/2006/QĐ-UBND ngày 15/9/2006	46	Quảng Nam	Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 01/08/2006, Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 30/10/2006; Văn bản số 1526/QĐ-UBND ngày 8/5/2008
15	Cần Thơ	Quyết định số 2143, 2144, 2145/2006/QĐ-UBND ngày 27/9/2006	47	Quảng Ngãi	Quyết định 70/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006; Quyết định 1023/QĐ-UBND ngày 23/6/2008; Quyết định số 202/QĐ-UBND

STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH	STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH
16	Đà Nẵng	Quyết định số 85/2006/QĐ-UBND ngày 27/9/2006; Công văn số 325/UBND-QLĐTƯ ngày 16/01/2008	48	Quảng Ninh	Quyết định số 3394/2006/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 của UBND tỉnh Quảng ninh
17	Đắc Lắc	Quyết định số 28/2006/QĐ-UBND ngày 5/6/2006; Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 8/7/2008	49	Quảng Trị	Quyết định 64/2006/QĐ-UBND ngày 03/8/2006 của UBND Quảng Trị
18	Đắk Nông	Văn bản số 115/SXD-KTKH ngày 11/3/2008; Văn bản số 151/KTTH-SXD ngày 27/3/2009; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 14/4/2010	50	Sóc Trăng	
19	Đồng Nai	Quyết định số 8780/QĐ-UBND ngày 21/9/2006	51	Sơn La	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 11/5/2006
20	Đồng Tháp		52	Tây Ninh	Quyết định 738, 739, 740/QĐ-UBND ngày 16/8/2006
21	Điện Biên	QĐ số 09/2006/QĐ-UBND ngày 7/8/2006; Công bố số 133/CB-SXD ngày 07/3/2008	53	Thái Bình	Quyết định số 71/2006/QĐ-UBND ngày 21/12/2006
22	Gia Lai	Quyết định số 93/2006/QĐ-UBND ngày 6/11/2006	54	Thái Nguyên	Quyết định số 1432/2006/QĐ-UBND ngày 12/7/2006
23	Hà Giang	Quyết định số 1730/2006/QĐ-UBND ngày 27/6/2006	55	Thanh Hóa	Quyết định số 5256/UBND-CN ngày 07/12/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa
24	Hà Nam	Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 30/8/2006	56	Thừa Thiên Huế	Quyết định số 2968/2006/QĐ-UBND ngày 28/12/2006

STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH	STT	TỈNH/THÀNH PHỐ	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH
25	Hà Tĩnh	Quyết định số 55/2006/QĐ-UBND ngày 29/9/2006; Văn bản số 606/UBND-XD ngày 20/3/2008	57	Tiền Giang	
26	Hải Dương	Quyết định số 424/2006/QĐ-UBND ngày 11/12/2006	58	Tuyên Quang	Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND ngày 20/6/2007
27	Hải Phòng	Quyết định số 2157/2006/QĐ-UBND ngày 28/8/2006 của UBND tỉnh Hải Phòng	59	Trà Vinh	
28	Hậu Giang	Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 13/11/2006	60	Vĩnh Long	Quyết định số 206/2007/QĐ-UBND ngày 25/12/2007
29	Hòa Bình	Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 14/11/2006	61	Vĩnh Phúc	Quyết định 72D/2006/QĐ-UBND ngày 29/9/2006
30	Hung Yên	Quyết định số /2006/QĐ-UBND ngày 28/8/2006 của UBND tỉnh Hưng Yên	62	Vũng Tàu	Quyết định số 2055/2006/QĐ-UBND ngày 18/7/2006
31	Khánh Hòa	Quyết định số 94/2006/QĐ-UBND ngày 19/12/2006; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 10/1/2008	63	Yên Bái	Quyết định số 148/2006/QĐ-UBND ngày 03/4/2006
32	Kiên Giang	Quyết định 1084/UBND-KTTH ngày 13/12/2007	64	Hà Tây	Quyết định số 870/2006/QĐ-UBND ngày 23/5/2006

*Chi chú: - Các tỉnh bỏ trống là do chưa đủ thông tin;
- Năm 2006 tỉnh Hà Tây chưa sát nhập vào Hà Nội.*